ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1009/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 04 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ Chỉ số Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 313/TTr-SNV ngày 22/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2018 của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Các sở, ban, ngành:

Xếp hạng	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC (thang điểm 100 điểm)
01	Cục Hải quan tỉnh	**94,02**
02	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**89,58**
03	Cục Thuế tỉnh	**89,26**
04	Sở Tài nguyên và Môi trường	**89,21**
05	Thanh tra tỉnh	**89,16**
06	Sở Tài chính	**89,04**
07	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	**88,87**

08	Sở Y tế	**88,72**
09	Sở Nội vụ	**88,49**
10	Bảo hiểm xã hội tỉnh	**88,34**
11	Sở Xây dựng	**88,05**
12	Sở Giao thông vận tải	**87,88**
13	Sở Tư pháp	**87,77**
14	Sở Thông tin và Truyền thông	**87,06**
15	Sở Ngoại vụ	**86,74**
16	Sở Công Thương	**86,23**
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	**86,09**
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	**85,57**
19	Sở Khoa học và Công nghệ	**85,09**
20	Ban Dân tộc tỉnh	**84,49**
21	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	**82,90**
22	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	**82,83**

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Xếp hạng	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC (thang điểm 100 điểm)
01	Thành phố Buôn Ma Thuột	**90,89**
02	Huyện Krông Năng	**88,42**
03	Huyện Krông Ana	**86,43**
04	Huyện Krông Buk	**86,30**
05	Thị xã Buôn Hồ	**86,03**
06	Huyện Cư M'gar	**85,46**
07	Huyện Ea H'leo	**85,10**
08	Huyện Krông Bông	**84,57**
09	Huyện Ea Kar	**84,33**
10	Huyện Cư Kuin	**83,54**
11	Huyện Lắk	**83,47**
12	Huyện M'Đrắk	**83,43**
13	Huyện Krông Pắc	**82,70**
14	Huyện Buôn Đôn	**82,47**
15	Huyện Ea Súp	**80,32**

Điều 2. Căn cứ Chỉ số CCHC năm 2018, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thông tin, quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh CCHC, cải thiện Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị mình trong những năm tiếp theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (D_60).

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị